

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-11-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững
Ông Nguyễn Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 28/5/2021 và 25/11/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp L, xã Th, huyện M, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phạm Văn Th, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp L, xã Th, huyện M, Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Th tự nguyện yêu nhau và tổ chức đám cưới vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện M, Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận vào ngày 18/9/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau cũng hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo làm ăn mà tụ tập ăn chơi, mọi việc trong gia đình đều để chị gánh vác. Bên cạnh đó, anh Th thường xuyên kiếm chuyện gây cãi làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, mặc dù chị đã cố gắng để vợ chồng được hòa hợp nhưng không thể thay đổi được, cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau, nguyên nhân do anh Th đuổi chị đi. Nay chị thấy vợ chồng

không còn tình cảm yêu thương nhau như trước, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Phạm Văn Th.

- Về quan hệ nuôi con: Có hai con chung tên Phạm Văn T, sinh ngày 01/01/1990 và Phạm Thị Huệ M, sinh ngày 01/01/1992. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn Th: Được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, bị đơn anh Phạm Văn Th hiện đang cư trú tại ấp L, xã Th, huyện M, Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Phạm Văn Th được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Phạm Văn Th vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Th, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị H, anh Th không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên đề mâu thuẫn xảy ra dẫn đến cãi vã, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Hơn nữa quá trình mâu thuẫn kéo dài nhưng anh Th và chị H không có giải pháp tích cực để hạn chế mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Phạm Văn Th tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Phạm Văn Th vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến gì về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của anh đối với hôn nhân của mình, anh không có thiện chí trong việc giải quyết mâu

thuần gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của chị H là có hai con chung tên Phạm Văn T, sinh ngày 01/01/1990 và Phạm Thị Huệ M, sinh ngày 01/01/1992. Hiện các con đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị H là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị H là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006483 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Th ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Có hai con chung tên Phạm Văn T, sinh ngày 01/01/1990 và Phạm Thị Huệ M, sinh ngày 01/01/1992. Hiện các con đã trưởng thành, tự lo cho bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006483 ngày 14/10/2020 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu